

; (function($) { $(document).ready(function() { $("#owl-slider-1914").owlCarousel({ items: 4, lazyLoad:

true, navigation: true, pagination: false, itemsDesktop: [1199, 3], itemsDesktopSmall: [979, 2], itemsTablet: [768, 4], itemsMobile: [479, 3], }); $("#owl-slider-1914 img").click(function() { var imgMain = $(".imageRoot"), a_imgMain = $(".link-imageRoot"), src = $(this).attr("data-href"), srcFull = $(this).attr("data-full"); imgMain.attr({ 'src': src, 'data-full': srcFull }); a_imgMain.attr("href", srcFull); }); }); }(jQuery));

VAN CẦU GANG DẺO MẶT BÍCH 1/2'' ~ 2''

Bảo hành : 6 Tháng

Hãng sản xuất : KING GATE

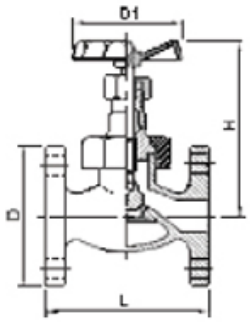
Xuất xứ : Đài Loan

Van Cầu Gang Dẻo Mặt Bích - Size Nhỏ

JIS-10K

KING GATE **Ductile Iron Globe Valve (Flanged Type) - Small Size**





Bộ Phận	Chất liệu
Thân Van	Gang Dẻo FCD 45
Nắp Chụp	Gang Dẻo FCD 45
Đĩa Van	Thép Không Gỉ SUS 410
Trục	Thép Không Gỉ SUS 410
Đai Ốc Lót	Gang Dẻo FCD 45
Vòng Đệm Thân	Thép Không Gỉ SUS 410
Nối Đai Ốc	Gang Dẻo FCD 45
Vòng Đệm	Than Chì Graphite
Vòng Bít	Than Chì Graphite
Tay Vặn	Gang Dẻo FCD 45

Áp suất vận hành	10 kg/cm^2
Non-shock water under 120°C	14 kgf/cm^2
Hơi, khí, dầu, dòng xung dưới 220°C	10 kgf/cm^2
Áp suất thủy tĩnh:	
Vỏ	20 kgf/cm^2
Đế	15 kgf/cm^2

Kích thước Đơn vị: mm

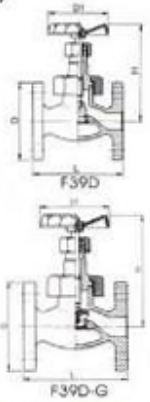
Inch	1/2	3/4	1	1 1/4	1 1/2	2
Size	15	20	25	32	40	50
L	108	117	127	140	165	203
H	121.5	126	143.5	161	179	194
D	95	100	125	135	140	155
D1	80	80	100	120	120	140

Ductile Iron Globe Valve

JIS-10K

FIG F39D(SUS Disc) FIG F39D-G(Teflon Disc)





零件及材質表 Parts and materials list

零件 Part	材質 Material
閥體 Body	FCD 45
閥蓋 Bonnet	FCD 45
閥門 Disc	SUS 410
閥桿 Stem	SUS 410
迫緊螺帽 Packing nut	FCD 45
閥體座環 Body seat ring	SUS 410
連結螺帽 Connecting nut	FCD 45
墊片 Gasket	Graphite
迫緊 Packing	Graphite
座環 Disc ring	PTFE+15%G.F.T
手輪 Handwheel	FCD 45

標稱壓力Working pressure marking ..... 10 kgf/cm^2

120°C以下之靜流水 Non-shock water under 120°C ..... 14 kgf/cm^2

220°C以下之蒸汽、氣體、油、脈動水

Steam, Air, Oil, Pulse stream under 220°C ..... 10 kgf/cm^2

試驗壓力(水壓) Hydrostatic test pressure

閥體 Shell ..... 20 kgf/cm^2

閥座 Seat ..... 15 kgf/cm^2

詳細尺寸 Dimension 單位Unit：公釐mm

規格	1/2	3/4	1	1 1/4	1 1/2	2
Size	15	20	25	32	40	50
L	108	117	127	140	165	203
H	121.5	126	143.5	161	179	194
D	95	100	125	135	140	155
D1	80	80	100	120	120	140

* PTFE墊片閥最高使用溫度180°C (360°F)

Sản phẩm khác



VAN CẦU GANG DẺO MẶT BÍCH 2-1/2" ~ 6"

Xem thêm VAN CẦU GANG DẺO MẶT BÍCH 2-1/2" ~ 6"



VAN CẦU GANG DẺO REN

Xem thêm VAN CẦU GANG DẺO REN

VAN MỘT CHIỀU GANG REN

Xem thêm VAN MỘT CHIỀU GANG REN